

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Standard Chartered nhận định triển vọng trung hạn của Việt Nam duy trì tích cực, kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ, bắt đầu từ cuối quý 1-2022

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL biến động giằng co và tăng điểm vào cuối phiên tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

MWG, ACG

## [Cập nhật công ty]

MWG, VPB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại vùng cản kỹ thuật của các mã mục tiêu.

21/02/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,510.84	+0.40
VN30	1,533.40	+0.13
HĐTL VN30F1M	1,530.00	+0.33
HNXIndex	440.99	+1.24
HNX30	791.89	+1.77
UPCoM	113.67	+0.84
USD/VND	22,830	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.21	+1
Lãi suất qua đêm (%)	2.64	+20
Dầu (WTI, \$)	91.39	+0.35
Vàng (LME, \$)	1,895.57	-0.15



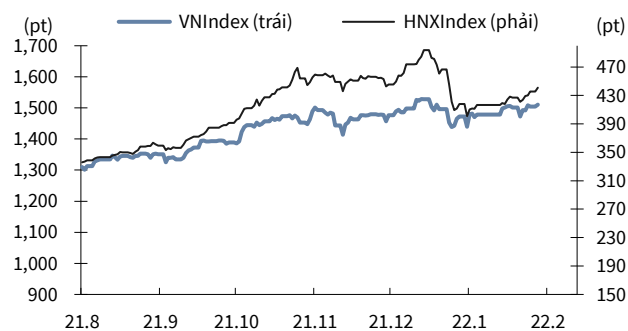
# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,510.84 (+0.40%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>791.9 (+23.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,025.9 (+6.3%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>440.99 (+1.24%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>103.2 (+21.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>118.3 (+15.7%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>113.67 (+0.84%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>82.6 (-26.6%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>70.0 (+14.4%)</b>

TTCK Việt Nam tăng điểm trước thông tin Standard Chartered nhận định triển vọng trung hạn của Việt Nam duy trì tích cực, kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi mạnh mẽ, bắt đầu từ cuối quý 1-2022. Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu gạo tháng 1/2022 đạt 505,741 tấn với giá trị 246 triệu USD, lần lượt bật tăng mạnh 45.4% về lượng, tăng 28.2% về trị giá so với tháng 1/2021 giúp cổ phiếu ngành gạo tăng giá ở TAR (+1.4%), LTG (+0.8%). Cổ phiếu du lịch tăng giá ở VTD (+1.7%) sau khi Chính Phủ đồng ý mở cửa lại hoạt động du lịch trong điều kiện bình thường mới từ ngày 15/3/2022. Đại diện Savills Việt Nam dự báo trong năm 2022 - 2023, bất động sản nhà ở sẽ còn tăng trưởng mạnh khiến cổ phiếu bất động sản tăng giá ở DXG (+1.5%), VHM (+0.4%). Khối ngoại mua ròng ở KBC (0%), VHM (+0.4%), DXG (+1.5%).

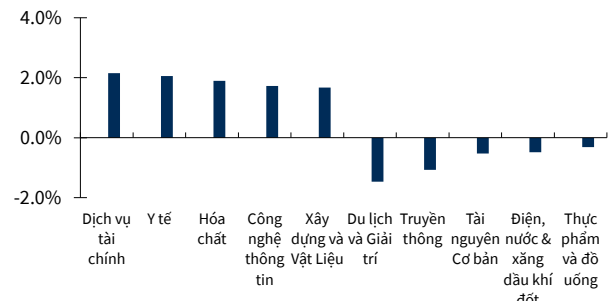
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +7.4**

## VNIndex & HNXIndex



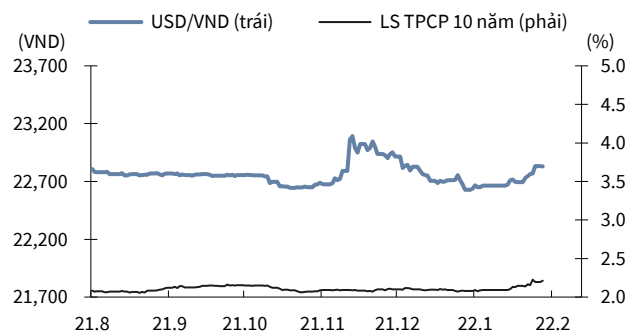
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

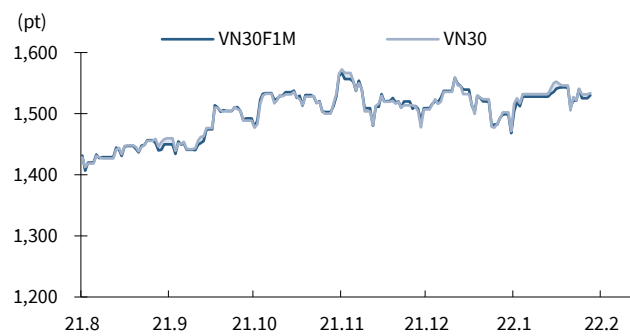
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,533.40 (+0.13%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,530.0 (+0.33%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,523.2</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,531.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,521.0</b>

Các HĐTL biến động giảm co và tăng điểm vào cuối phiên tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 xuống mức thấp nhất trong đầu phiên sáng xuống mức -8.37 điểm, sau đó thu hẹp và biến động quanh mức -3.35 điểm trước khi đóng cửa tại -3.4 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường ở mức thấp

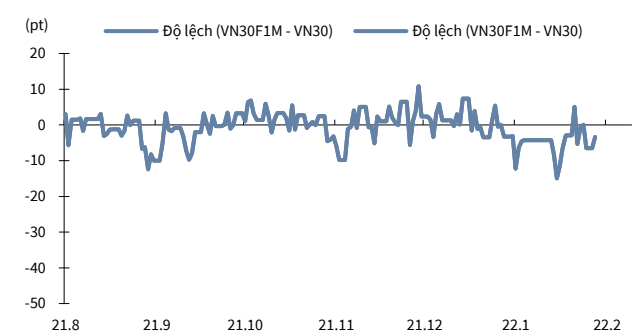
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>103,674 (-22.7%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



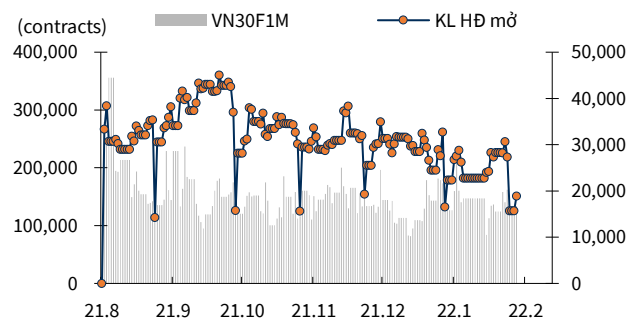
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



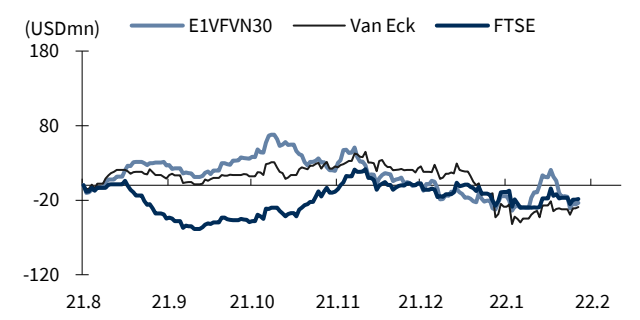
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

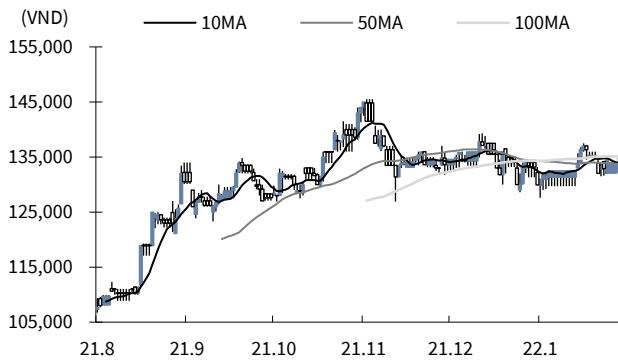
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

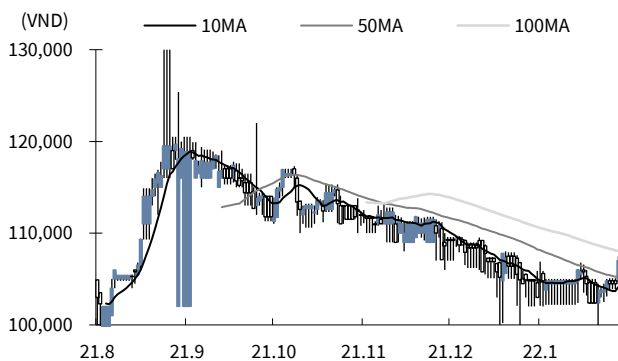
## Công ty (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 0.07% xuống 133,900 VND/cp
- CTCP Đầu tư Thế giới Di động công bố tình hình kinh doanh lập kỷ lục mới trong tháng 1/2022 với hơn 16,000 tỷ đồng tổng doanh thu và 2,300 tỷ đồng doanh thu online do mùa bán hàng cao điểm phục vụ Tết Nguyên Đán 2022. MWG thử nghiệm 12 cửa hàng độc lập bán lẻ trong tháng 1.

## Công ty (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ACG tăng 2.2% lên 107,000 VND/cp
- V#DailyFocusTextLight Gỗ An Cường dự kiến phát hành thêm hơn 4.38 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 10,000 đồng/cổ phiếu để bổ sung nguồn vốn lưu động để thanh toán kế ước vay ngân hàng trong năm 2022 và nhằm thỏa điều kiện niêm yết cổ phiếu ACG tại HoSE, thời gian đăng ký mua dự kiến từ 21/3 đến 15/4/2022.

# CTCP Đầu Tư Thế giới Di động (MWG)

## KQKD Q4 bùng nổ, đưa lợi nhuận về đích bất chấp khó khăn từ dịch bệnh

21/02/2022

 Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng  
 dunglnt@kbsec.com.vn

Kết quả kinh doanh cả năm 2021 vẫn gần đạt kế hoạch mặc dù gặp nhiều khó khăn bởi dịch bệnh

Chuỗi TGDĐ/ĐMX duy trì tăng trưởng dương doanh thu so với năm 2020, kì vọng lấy được thị phần hậu dịch bệnh

BHX đạt EBITDA dương toàn công ty – hoàn thành mục tiêu năm 2021. Năm 2022, BLĐ đặt mục tiêu có lợi nhuận bền vững vào cuối năm

**Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 168,200 VNĐ/cp**

Doanh thu năm 2021 đạt 122,958 tỷ đồng (+13% YoY) – đạt 98% kế hoạch cả năm 2021. LNST đạt 4,901 tỷ đồng (+25% YoY) – hoàn thành 103% kế hoạch năm 2021. Nhìn chung, cả doanh thu và lợi nhuận được thúc đẩy mạnh mẽ trong các tháng cuối năm, lần lượt vượt dự phóng gần nhất của chúng tôi 6.5% và 10%.

Cả năm 2021, hai chuỗi TGDĐ/ĐMX đóng góp 94,742 tỷ đồng vào tổng doanh thu, tăng 9% YoY. Cụ thể, tăng trưởng TGDĐ đạt 7% YoY, ĐMX đạt 9% YoY và Bluetronics tăng trưởng 135% YoY. Năm 2022, TGDĐ/ĐMX kì vọng tiếp tục giành được thị phần từ các cửa hàng nhỏ lẻ bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

Trong năm 2021, chuỗi BHX đạt doanh thu 28,216 tỷ đồng (+33% YoY), đóng góp 23% tỉ trọng doanh thu của MWG. Trong đó, mặt hàng tươi sống, hàng mát và đông lạnh đóng góp 45% tỉ trọng tổng doanh thu BHX, phía sau lần lượt là thực phẩm, đồ uống và hoá mỹ phẩm khác (38% và 17%).

Năm 2022, chúng tôi dự phóng doanh thu thuần của MWG đạt 141,026 và LNST đạt 6,800 tỷ đồng (+39% YoY). Năm 2023, mức doanh thu thuần đạt 151,171 (+7% YoY) và LNST ở mức 7,550 tỷ đồng (+11% YoY). Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG, giá mục tiêu 168,200 VNĐ/cp, cao hơn 26% so với giá đóng cửa ngày 18/02/2022.

## MUA

**Giá mục tiêu 168,200**

Tăng/giảm (%)	26%
Giá hiện tại (18/02/2022)	134,000 VNĐ
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND)	95,519

### Dữ liệu giao dịch

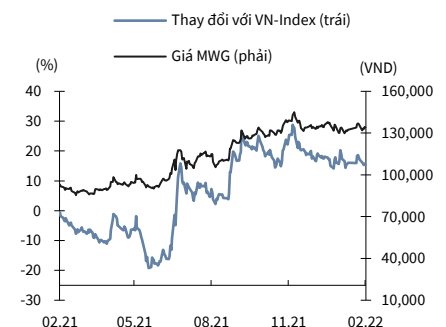
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	65%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	220.8/9.8
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ (10.76%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	3	-6	27	46
Tương đối	-1	-9	11	15

### Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	109,801	124,142	141,026	151,171
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	5,413	6,445	8,978	9,969
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	3,920	4,901	6,800	7,550
EPS (nghìn VND)	8,665	8,654	9,539	10,591
Tăng trưởng EPS (%)	0%	-21%	39%	11%
P/E (x)	13.2	13.7	14.1	12.7
P/B (x)	3.3	2.6	4.3	3.3
ROE (%)	25%	24%	31%	26%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	15%	5%	15%	15%



# VPBank(VPB)

## Tỷ lệ nợ xấu tăng 53bps trong 4Q2021

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ  
Nguyễn Anh Tùng  
tungna@kbsec.com.vn

21/02/2022

4Q2021, LNTT đạt 2,845 tỷ VND, giảm 21.5% YoY

4Q2021, thu nhập lãi thuần 4Q2021 đạt 12,498 tỷ VND (+14.0% QoQ, -2.5% YoY), Chi phí dự phòng trích lập ở mức cao nhất trong nhiều quý gần đây, đạt 5,371 tỷ VND (+7.9% QoQ, +24.4% YoY) khiến LNTT 4Q2021 đạt 2,845 tỷ VND (+5.4% QoQ, -21.5% YoY). Lũy kế 2021, LNTT đạt 14,580 tỷ VND, tăng 12.0% YoY.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 4.5% tăng 53 bps QoQ do ảnh hưởng của dịch bệnh

Tỷ lệ nợ xấu tiếp tục tăng trong 4Q2021 do ảnh hưởng từ dịch bệnh, đạt 4.47%, tăng 47bps QoQ. Tổng dư nợ tái cơ cấu tính đến hết 4Q2021 đạt khoảng 16.1 nghìn tỷ VND (+1.3% QoQ), tương đương 4.2% tổng dư nợ tín dụng.

Áp lực giảm NIM hiện hữu trong năm 2022

VPB cho biết nhiều khả năng NIM trong năm 2022 sẽ giảm so với 2021. KBSV đánh giá cao khả năng này do áp lực tăng lãi suất đầu vào sẽ lớn hơn trong năm 2022 khi tỷ lệ tiền vay khách hàng/tiền gửi khách hàng của VPB đang ở mức cao cùng với lãi suất liên ngân hàng đang có dấu hiệu tăng trở lại.

Dự kiến tìm được đối tác chiến lược trong 1H2022

Tính đến ngày 18/02/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài của VPB đạt 17.01%, dư 12.99% so với mức tối đa 30% do ngân hàng nhà nước quy định. Theo thông tin VPB, dự kiến ngân hàng sẽ tìm được đối tác và hoàn thiện công tác bán vốn trong 1H2022.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 44,700 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu là 44,700 VND/cp, cao hơn 24.5% so với giá tại ngày 18/02/2021.

## MUA

**Giá mục tiêu VND 44,700**

Tăng/Giảm	24.5%
Giá hiện tại (18/02/2022)	VND 35,900
Giá mục tiêu thị trường	VND 42,330
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	158,479

Dự phóng KQKD & định giá

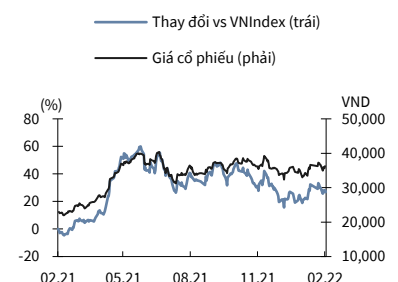
FY - end	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	32,346	34,349	43,136	54,430
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	27,641	33,583	40,549	49,874
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	10,414	11,808	14,649	18,920
EPS (VNĐ)	4,116	2,621	3,251	4,199
Tăng trưởng EPS (%)	26%	-36%	24%	29%
PER (x)	14.7	23.1	18.6	14.4
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,867	19,187	23,406	28,005
PBR (x)				
	2.90	3.16	2.59	2.16
ROE (%)	21.9%	16.7%	16.8%	17.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)				

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	84.9
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	602/25.9
Sở hữu nước ngoài (%)	17.01
Cơ cấu cổ đông	Ngô Chí Dũng (4.81%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	9	-1	7	57
Tương đối	5	-4	-9	27



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng trước khi đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời ngắn hạn giá cao khiến cho đà tăng của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên và hiện tượng này có thể còn tiếp diễn trong những phiên tới. Mặc dù vậy, cơ hội mở rộng thêm xu hướng hồi phục vẫn được đánh giá cao với vùng kháng cự đáng lưu ý kế tiếp nằm tại 152x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1541 – 1545

Kháng cự gần: 1535 – 1538

Hỗ trợ gần: 1523 – 1526

Hỗ trợ xa: 1515 – 1519

— Sau nhịp rung lắc đầu phiên, F1 sớm hồi phục và tăng điểm giảm co đến cuối phiên.

— Vùng cản gần quanh 153x, tương ứng với MA10, đang gây cản trở cho đà tăng của chỉ số và rủi ro rung lắc có thể còn tiếp diễn trong một vài phiên tới. Mặc dù vậy, cơ hội hồi phục sau đó và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp tại quanh 1550 (+5) vẫn được đánh giá cao.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

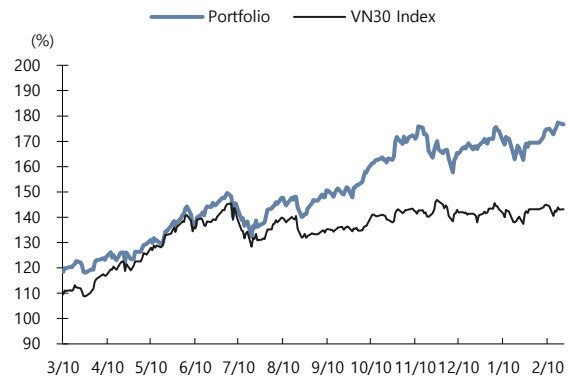
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.13%	-0.28%
Tăng lũy kế (YTD)	43.21%	76.64%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Tên công ty	Ngày niêm yết	Số cổ	Biến động	Tỷ trọng	Mô tả
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,900	-0.1%	73.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	55,300	0.2%	150.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	106,500	-0.5%	38.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	213,700	-1.3%	11.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,400	-0.1%	112.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,500	1.4%	221.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,400	-0.6%	82.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	115,800	-1.0%	57.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,650	-0.9%	222.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	58,500	0.0%	327.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
KBC	0.0%	17.9%	51.9
VHM	0.4%	23.9%	44.7
DXG	1.5%	29.5%	44.5
VND	4.2%	19.7%	35.0
HDG	4.0%	10.9%	31.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	0.0%	98.0%	-157.5
MSN	-1.8%	28.8%	-32.9
CTD	0.9%	47.2%	2.9
NKG	-1.5%	6.8%	-7.6
DIG	3.8%	1.9%	-7.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	1.6%	1.2%	4.5
PVI	0.2%	57.8%	2.1
IDJ	3211.0%	0.9%	0.8
PVS	0.3%	9.1%	0.6
SCI	1.6%	2.0%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	0.0%	8.8%	-19.9
VCS	0.1%	3.9%	-3.8
THD	0.2%	1.6%	-1.1
NDN	9.3%	2.3%	-0.5
VC2	-1.2%	0.2%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	7.9%	DHG, TNH
Ô tô và phụ tùng	7.8%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	6.9%	CII, VCG
Truyền thông	6.5%	YEG, PNC
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.2%	GEX, REE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-0.3%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.0%	GAS, PGC
Ngân hàng	1.0%	EIB, CTG
Tài nguyên Cơ bản	1.5%	DTL, VIS
Bán lẻ	2.5%	PSH, COM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	18.7%	VJC, HVN
Tài nguyên Cơ bản	14.4%	HPG, HSG
Hóa chất	13.8%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	13.5%	VND, SSI
Bảo hiểm	11.6%	BVH, MIG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-0.3%	VCB, BID
Bất động sản	2.4%	VIC, AGG
Xây dựng và Vật Liệu	6.6%	CTD, DPG
Bán lẻ	7.7%	BTT, CMV
Dầu khí	7.9%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	415,178 (18.3)	22.5	60.8	32.9	14.7	5.7	9.5	3.3	2.9	1.7	2.2	12.5	-12.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	331,091 (14.6)	26.6	9.1	7.5	35.9	26.5	24.9	2.2	1.8	0.4	2.4	0.8	-2.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	252,298 (11.1)	17.8	26.7	18.8	-7.6	9.1	10.3	2.3	2.2	1.5	3.3	3.0	13.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	194,494 (8.6)	31.3	26.7	18.2	6.7	13.9	15.1	4.4	3.2	0.0	0.6	-1.9	-13.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	59,685 (2.6)	11.6	23.3	17.1	18.0	15.6	24.2	3.3	2.7	0.4	2.8	6.7	6.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	287,942 (12.7)	13.9	15.9	19.0	-	14.9	12.5	2.4	2.3	1.5	12.9	16.9	12.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	166,909 (7.4)	6.3	16.9	13.5	11.7	20.6	20.8	3.0	2.5	0.2	1.6	-2.0	10.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	159,478 (7.0)	12.7	18.0	12.5	-5.3	16.0	20.5	2.3	2.0	1.2	1.1	-4.4	22.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	600,256 (26.4)	0.0	8.7	7.3	14.3	20.5	19.9	1.6	1.3	-0.2	0.0	3.4	3.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	438,371 (19.3)	1.4	9.3	7.2	61.1	18.9	20.9	1.5	1.3	-0.6	-0.6	-3.2	1.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	522,941 (23.0)	0.0	10.7	8.6	18.8	16.2	16.3	1.7	1.4	0.0	2.6	4.7	0.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	649,435 (28.6)	0.0	8.4	7.1	14.6	22.3	21.1	1.6	1.3	0.0	2.0	2.7	13.0
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	179,286 (7.9)	4.2	8.5	7.3	23.3	21.0	20.2	1.6	1.4	0.3	1.4	1.4	-4.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	900,376 (39.7)	14.0	14.0	10.0	26.5	11.9	16.2	1.7	1.4	-0.4	1.1	-4.0	5.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	283,500 (12.5)	0.0	9.0	7.3	37.5	22.2	23.8	2.0	1.6	0.2	2.3	2.3	-0.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	37,729 (1.7)	0.2	76.9	25.6	27.3	3.1	9.1	2.4	2.3	-1.8	-3.4	5.7	4.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	41,077 (1.8)	21.0	20.3	15.0	15.8	9.6	11.9	1.8	1.7	-0.2	5.5	9.0	2.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	12,917 (0.6)	14.2	19.5	16.8	9.1	10.9	12.6	1.8	1.7	-0.1	4.0	2.4	-10.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	379,807 (16.7)	55.4	22.0	20.7	-3.2	13.7	14.8	-	-	1.8	5.5	3.3	-11.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	131,661 (5.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.3	9.8	7.9	-14.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	98,592 (4.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.9	4.2	1.0	-15.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	301,092 (13.3)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	4.2	10.4	14.1	-8.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	167,781 (7.4)	42.1	16.3	15.0	4.0	32.3	34.0	4.8	4.6	0.5	-0.1	-1.9	-6.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,459 (1.3)	36.9	26.6	22.2	7.3	19.6	21.4	4.6	4.2	0.1	1.0	14.6	12.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	141,200 (6.2)	16.5	30.7	21.9	-51.9	20.7	23.3	6.3	4.9	-1.8	5.7	6.2	-6.3
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	95,895 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.1	9.4	-5.9	-20.5	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	121,083 (5.3)	11.0	-	63.6	-88.5	1.0	10.1	-	-	-2.0	4.3	19.7	13.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	85,286 (3.8)	10.8	21.8	20.0	-57.0	11.9	13.6	2.5	2.5	-1.3	4.7	21.9	8.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	337,090 (14.8)	38.4	18.0	8.5	65.7	8.2	15.7	1.5	1.4	6.9	27.0	-8.9	-28.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	137,934 (6.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.2	18.1	-2.8	-35.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	493,971 (21.7)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	0.1	13.5	5.1	-0.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	63,003 (2.8)	3.6	17.8	17.6	-52.4	4.7	4.6	0.8	0.9	0.9	2.2	13.7	-13.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	34,722 (1.5)	0.0	10.9	9.2	-4.5	13.9	14.2	1.4	1.3	-0.1	7.3	10.4	4.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	121,580 (5.4)	46.1	18.7	16.8	-17.5	21.9	23.7	4.0	3.7	-1.0	-0.2	7.8	20.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,531 (0.5)	31.4	13.4	11.4	-10.5	14.9	16.6	1.7	-	1.9	3.4	6.5	-6.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,197 (0.2)	34.1	14.1	8.8	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	0.0	0.4	0.9	-6.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	858,471 (37.8)	18.0	6.8	6.8	21.9	29.5	24.1	1.6	1.4	-0.9	1.0	7.7	0.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	180,040 (7.9)	36.5	11.3	15.8	-0.5	17.4	11.7	1.8	1.7	-1.0	6.3	13.6	-2.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	99,837 (4.4)	46.5	12.2	14.8	-4.5	19.9	14.6	2.2	2.0	1.6	6.5	10.6	-15.0
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	241,524 (10.6)	38.9	5.9	6.7	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	-1.3	1.2	13.8	-1.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	73,937 (3.3)	97.2	20.4	18.2	17.2	-	-	1.3	1.2	3.0	7.5	5.1	-7.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	142,254 (6.3)	4.6	19.6	17.4	-51.0	16.3	17.5	3.0	2.8	0.2	-0.5	9.3	11.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	224,297 (9.9)	39.9	29.2	14.2	-11.9	3.5	6.6	0.9	0.8	1.1	0.6	-7.8	5.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	45,122 (2.0)	35.9	8.9	7.4	1.2	16.7	16.3	1.3	1.0	0.4	-0.9	5.5	-4.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	109,196 (4.8)	0.0	15.4	13.1	13.7	27.8	28.4	3.9	3.4	-0.1	1.4	0.5	-1.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	89,403 (3.9)	0.0	17.8	14.2	2.4	20.7	19.7	3.4	2.7	-0.5	1.8	11.5	10.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	6,815 (0.3)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.9	20.5	20.8	-10.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	110,224 (4.8)	30.3	27.4	22.1	-75.2	19.9	21.5	6.0	5.4	5.9	10.6	30.7	8.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,024 (2.3)	34.6	10.8	-	41.2	28.0	-	-	-	0.0	-4.3	1.5	13.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,913 (0.2)	45.4	19.8	18.5	10.7	19.3	18.8	3.5	3.2	5.6	15.5	12.6	1.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	86,372 (3.8)	0.0	16.6	14.4	15.5	25.8	27.5	3.9	3.7	1.4	2.7	6.0	0.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Phạm Nhật Anh**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
anhpn@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.